

SỐ 261

# KINH ĐẠI THỪA LÝ THỨ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

*Hán dịch: Tam tạng Bát-nhã, người nước Kế Tân.*

## QUYỂN 1

### Phẩm 1: QUY Y TAM BẢO

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc lâm Ca-lan-đa-ca, thuộc thành Vương xá. Khi ấy, có chúng Đại Bồ-tát trụ trong địa vị Thập địa không thoái chuyển và đã đầy đủ trọn vẹn mười Ba-la-mật. Lại có chúng đại Bí-sô đều chứng A-la-hán, diệt trừ các lậu, không còn phiền não và tự mình đã chứng với tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát. Lại có vô số loài hữu tình đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Từ Thị ở trong chúng hội nghĩ như vậy: “Các loài hữu tình trong hội này cùng khổ, cô quạnh, không có chỗ nương tựa, luân hồi trong sinh tử, đắm chìm trong sông ái. Họ muốn vượt qua bờ bên kia giải thoát, nên đến nghe pháp và mong gặp Thế Tôn cầu Nhất thiết trí nhưng không có đủ năng lực.”

Nghĩ thế rồi, Bồ-tát Từ Thị muốn hỏi ý nghĩa sâu xa, phát tâm: “Vì sao tất cả hữu tình phát tâm Bồ-đề cầu Phật, thì nhất định phải trải qua ba vô số kiếp không mệt mỏi. Nay ý thú sâu xa, rộng lớn, khó nghĩ bàn, văn cú tinh xảo viên mãn đủ đầy của Đức Phật Thế Tôn thọ ký cho từng hữu tình có nhân quả khác biệt với hư vọng là mau chóng chứng Vô thượng Bồ-đề.”

Lúc ấy Đại Bồ-tát Di-lặc phát tâm như vậy rồi, liền rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy sửa soạn pháp phục, thâu nhiếp sáu căn và giữ thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh. Sáu căn ấy là chỗ sinh ra trăm phước và tám mươi vẻ đẹp diệu tướng trang nghiêm. Trải qua ba vô số kiếp mà được tròn đầy như vậy. Thân ấy được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn tướng mặt trời của Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa... làm cho tất cả hữu tình chiêm ngưỡng không biết chán. Lúc sắp thành Vô đẳng đẳng Phật quả Bồ-đề.

Bồ-tát dùng thân như vậy, gieo năm vóc sát đất lạy dưới chân Phật. Lại dùng tay được trang nghiêm bởi vô lượng công đức, chấp tay giống như hoa sen mới nở rồi cung kính bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Chỉ trong một niệm mà Như Lai Thế Tôn có thể biết tâm quá khứ, vị lai, hiện tại của tất cả chúng sinh. Có hữu tình nhân lúc thưa hỏi mà được tâm thanh tịnh hoặc có hữu tình lúc được thọ ký, chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, Bích-chi-phật, hoặc được thọ ký Vô thượng Bồ-đề. Do nghĩa này nên con thưa hỏi Như Lai. Cúi xin Thế Tôn hãy phân biệt giải bày. Thế Tôn là người dẫn dắt để hữu tình ba

đời làm chỗ nương tựa. Hoặc có hữu tình hành hạnh Đại thừa thì Thế Tôn làm tâm họ mềm dịu. Cúi xin Thế Tôn Từ bi thương xót, nếu được pháp cam lồ thì con không thọ dụng một mình mà tất cả hữu tình cùng nhau hưởng một vị ấy. Làm thế nào để hữu tình hưởng đến con đường chân chánh an ổn của Niết-bàn? Các hữu tình này phải làm gì để đối với Nhất thiết trí không thoái chuyển? Làm sao viên mãn Bồ thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa? Bát-nhã ba-la-mật-đa là mẹ của năm pháp Ba-la-mật-đa trước và tu tập thế nào để được viên mãn? Nguyên lớn này làm sao phaát khởi? Các hữu tình này tu tập thế nào để đến bờ Niết-bàn bên kia? Cúi xin Thế Tôn phân biệt giải nói. Con vì muốn làm lợi ích an lạc cho hữu tình, làm cho họ được vui vẻ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Nay thiện nam! Nay ông có thể làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình nên hỏi nghĩa sâu xa như vậy. Ông hãy khuyên các hữu tình tu hành nghiệp thiện, thường vì các hữu tình mà siêng năng tu tập. Nay ông vì các hữu tình mà một lòng rộng lớn dứt sạch mọi xiềng xích để khẩn cầu pháp đạo, ông đem tâm đại Từ bi đó mà trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp để viên mãn biển lớn pháp đạo sáu pháp Ba-la-mật-đa. Ông đã gần đạo tràng Bồ-đề là bờ kia Niết-bàn, giống như là sao mai vừa mọc thì ánh sáng mặt trời liền chiếu. Cũng như vậy, nay ông phải làm ánh sáng mặt trời Phật pháp. Ông phải nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ ta sẽ vì ông mà phân biệt đầy đủ nghĩa thâm sâu ấy. Người có trí như vậy, khéo suy nghĩ, quán sát trong con đường hiểm nạn của sinh tử không ai có thể vượt qua nếu không có chỗ nương tựa. Giống như chiếc thuyền trong biển lớn, nếu không có thuyền trưởng thì mọi người trong thuyền chắc hẳn là phải bị chìm đắm vì sóng vỗ mạnh làm cho thuyền xoáy tròn, bị phá vỡ và chìm đắm... Khi bị những tai nạn đó, thường lo sợ nên phải tìm người chèo thuyền giỏi nhất và an lành nhất để làm chỗ nương tựa.

Lại có hữu tình luôn sợ hãi trong sinh tử cho nên tìm người có năng lực để nương tựa, không bị oán tặc xâm tổn. Dầu oán tặc kia có sức mạnh đến đâu nhưng người kia nương nhờ vào phép vua, nên bọn oán tặc ấy chắc chắn không thể làm hại được. Oán tặc kia đã thấy thế lực như vậy rồi, vĩnh viễn bỏ tâm thù hận mà đi theo sự giáo hóa chân chánh. Tất cả hữu tình cũng như vậy, mỗi mỗi đều nghĩ rằng: “Ai có thể làm chỗ nương tựa cho ta để trừ những nguy hại ấy, làm cho ta được an lạc? Năm đường trong ba cõi này là: Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân... tìm cầu trong số đó nhưng không có ai có thể làm chỗ nương tựa. Vì sao vậy? Vì chư Thiên đó tự mình chưa thoát khỏi xiềng xích sinh tử, còn bị phiền não trói buộc luân hồi trong ba cõi, chịu vô lượng, vô biên khổ não, ăn nuốt sợ hãi, bị lười tham dục quán chặt thì làm sao có thể làm chỗ nương tựa cho ta! Lại nữa, chư Thiên... thường mặc những y phục chiến đấu bằng giáp sắt mà tâm luôn ôm mối lo sợ A-tu-la, hướng gì loài người và các loài khác! Lấy đó mà quán sát ba cõi sáu đường thì không ai có khả năng cứu bạt ta. Cho nên ta phải quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng. Ngoài Phật, Pháp, Tăng ra, không ai có thể cứu hộ ta cả.”

Tất cả hữu tình muốn cầu Vô thượng Bồ-đề, Niết-bàn an lạc thì cần phải quay về nương tựa ba ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng. Nhờ đó mà khiến cho hữu tình quay về Phật, Pháp, Tăng.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Từ Thị thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Phật, Pháp, Tăng tam bảo? Thế nào là quy y?

Phật dạy Từ thị rằng:

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Ngôi Phật bảo có hai: đó là thân của Phật và đức của Phật. Thân Phật nghĩa là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Về quá khứ đã trải qua vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp không tiếc thân mạng, siêng năng tu tập lục độ vạn hạnh viên mãn, ngôi tòa Kim cang dưới gốc Bồ-đề, chiến thắng quân ma, đoạn trừ các kết sử, chứng được Nhất thiết trí, thành Đẳng chánh giác, đầy đủ các công đức vi diệu như vậy nên gọi là Phật.

Còn về đức của Phật, tức là trong thân của Phật đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, ba pháp môn giải thoát, ba thị đạo, sáu thần thông, tùy tâm Tam-ma-địa, bốn trí, hai trí, lia bỏ tri kiến, đoạn phiền não chướng và sở tri chướng, lia các tập khí, vô công dụng đạo mà lại biến hóa như như. Hoặc xa hoặc gần, đi đứng tự tại không bị chướng ngại. Một hạt cải có thể dung chứa vô lượng núi Diệu cao. Chư Phật Như Lai đều đầy đủ vô lượng, vô biên công đức như vậy. Thọ mạng tự tại từ một kiếp đến vô lượng kiếp không có tổn giảm, ở trong cảnh thần thông biến hiện, qua lại tùy ý tự tại không hề có chướng ngại. Chư Phật Thế Tôn đi qua thành ấp, xóm làng, trước tiên chiếu ánh sáng màu vàng ròng vi diệu rực rỡ khắp nơi đó. Chúng sinh nơi ấy bắt gặp được ánh sáng này, nếu ai có thân bệnh, tâm bệnh thì đều lành khỏi. Khi lửa tâm dập tắt thì thân được mát mẻ, người lưng gù thì thẳng ra, người què đi được, người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm được nói, người tâm loạn được bình tâm, bị quỷ mị, vọng lượng điên cuồng bắt giữ đều được dẹp trừ, trần trướng được áo quần mặc, người tâm kiêu mạn được khiêm nhường, người sâu não được an ổn, người lạc đường được đường chính, người đói khát được ăn uống, bị tù đầy được tự do, người sợ hãi được không sợ; gò đống, hầm hố, núi đồi đều bằng phẳng giống như bàn tay. Nhà cửa nhỏ thấp tự nhiên cao lớn, đường sá nhỏ hẹp đều rộng rãi. Chợ búa làng quê tự nhiên khai thông, ô uế bất tịnh tức thời thơm tho. Gai góc, muỗi độc, gạch ngói, cát đá đều biến mất. Ánh sáng mặt trời chiếu tỏa không có nóng độc. Gió thoảng nhẹ nhàng không có bụi đất, âm thanh của các loài chim: Bạch hạc, Khổng tước, Anh vũ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già, Ca-chỉ-la, Ca-na-la, Mạng mạng... phát ra hòa nhã. Voi, ngựa, trâu, dê, bò, trâu đuôi dài, trâu rừng, trâu nước, mỗi loài đều kêu tiếng rất hay, đàn không hầu, ống tiêu, ống sáo, đàn sặc, trống... những nhạc khí này không đánh mà tự kêu, và những thứ khác tinh xảo khó tìm, đều do thần thông biến hiện. Những việc hiếm có như vậy càng ngày càng đổi thay thù thắng hơn, đó là đều nhờ sức oai thần của Như Lai. Có chúng sinh nào nghi ngờ Phật Thế Tôn và công đức của Phật có một có khác thì nên nói với họ rằng: Phật và công đức của Phật không một không khác. Giống như lửa, đèn, dầu, tim đèn và ánh sáng không một không khác. Nếu lia dầu, tim đèn thì không có ánh sáng của đèn. Nếu nói ánh sáng đèn lia dầu và tim đèn thì chỗ mà ánh sáng chiếu đều phải bị đốt cháy. Công đức và thân Phật lại cũng như vậy. Thân vi diệu này là công đức Phật, là Pháp thân vô lậu, là nơi nương tựa bình đẳng của mình và người. Nhưng thân Phật này chẳng phải là thể tánh. Nếu lia thể tánh này, ngoài ra không có Pháp thân nào khác. Nếu thể tánh này đồng với vật bên ngoài thì có tướng bốn đại, cho nên phải biết thân Phật chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng. Nếu chẳng phải có tướng thì đồng với đại hư không, đồng đại hư không là tánh, là thường, không có phương tiện nào có thể đi qua được. Vì tự tánh vốn thanh tịnh, không nhiễm, không vướng mắc, sâu xa vô lượng không hề biến đổi, vi diệu tịch tĩnh, khó hiểu, khó so sánh. Đầy đủ công đức chân thường không hề hạn hữu, dứt hẳn các hý luận, chỉ có Phật mới

chứng biết, chứ không ai có thể biết được, cũng không ví dụ nào so sánh được.

Từ Thị nên biết! Thân này là tướng Pháp thân của hằng hà sa chư Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai. Báo thân của Phật nghĩa là chư Như Lai đã trải qua ba vô số kiếp tu tập vô lượng tư lương phước tuệ nên được vô biên công đức chân thật, tướng tốt các căn thường trụ bất biến, trí tuệ sáng suốt biến khắp pháp giới, đều do căn lành vô lậu xuất thế mà có. Nó chẳng thể nghĩ bàn, vượt qua trí tuệ thế gian vì làm thuần thục các hữu tình mà được hiện ra tướng này để diễn pháp vô tận làm lợi ích vô biên.

Từ Thị nên biết! Đây là báo thân viên mãn của Như Lai.

Hóa thân là tùy theo các hữu tình mà biến hóa, hiện ra vô lượng vô số hóa thân Phật. Thân biến hóa đó hoặc có ở địa ngục thì hiện thân của địa ngục để độ các hữu tình nơi đó thoát khỏi khổ, đem Chánh pháp để hướng dẫn họ phát tâm Bồ-đề, sau đó sinh vào cõi trời, người, hưởng sự vui sướng thù thắng, có lòng tin ưa sâu sắc với Phật pháp, chứng được Phật pháp từng phần và đạt được quả Thánh đạo.

Hoặc sinh vào ngã quỷ để giáo hóa hữu tình ở đó làm cho họ thoát khỏi sự bức bách của đói khát, đem Chánh pháp giáo hóa để họ phát tâm Bồ-đề, liền sinh lên cõi trời, người hưởng sự sung sướng, thâm nhập Phật pháp, chứng được đạo quả của bậc Thánh.

Hoặc hóa làm bàng sinh thì sinh vào cõi đó, hoặc làm thân Ca-lâu-la, hoặc làm thân rồng, sư tử, voi, ngựa, gấu, hổ, sói, sài lang, dã can, chồn, thỏ, trăn, rắn, cá, rùa, ba ba, bạch hạc, khổng tước, phượng hoàng, uyên ương, oanh vũ, xá-lợi... và nhiều thân khác làm cho các hữu tình đó liả bỏ sự tàn hại lẫn nhau mà đem lòng Từ bi đối với nhau để liả xa tất cả các sợ hãi. Đem Chánh pháp để chỉ dạy cho họ tin ưa và quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng, được sinh lên cõi trời, người được hưởng những sự sung sướng, đắc Phật pháp từng phần, chứng đạo quả bậc Thánh.

Hoặc hóa làm hữu tình ở quốc độ khác, hoặc những nơi không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu đến được. Tất cả mọi nơi mọi chỗ không có ánh sáng Phật pháp như vậy thì hóa thân chư Phật thị hiện để kiến lập Chánh pháp để các hữu tình quay về Phật, Pháp, Tăng, cạo bỏ râu tóc, thọ giới cấm của Phật, làm Bí-sô và Bí-sô-ni, hoặc làm Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di xây dựng Tăng phường, hộ trì Chánh pháp, làm yên ổn cho vô lượng vô số chúng sinh, đưa trời, người đến bờ kia Niết-bàn, chứng đắc quả Phật.

Hoặc sinh lên cõi trời thì hóa thành hữu tình ở cõi đó, khiến họ xa liả năm dục, tâm không đắm trước, dùng Chánh pháp dắt dẫn họ phát tâm Bồ-đề, quay về Phật, Pháp, Tăng, nhập sâu vào Chánh pháp, an trí vào Niết-bàn, chứng quả giải thoát.

Hoặc sinh cõi người thì hiện ra trong dòng họ Thích ở chốn vương cung, dùng phương tiện khéo léo để giáo hóa các hữu tình, đoạn trừ phiền não, sầu ưu, sinh, già, bệnh, chết trong ba cõi, cho nên hiện ra cảnh vượt thành xuất gia, lấy cỏ Cát tường lót ngồi dưới cây Bồ-đề, ngồi ở đạo tràng tòa bằng Kim cang, chiến thắng quân ma, thành Đẳng chánh giác. Vì giáo hóa hữu tình nên chuyển bánh xe pháp, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả thế gian, tự lợi và lợi tha đều viên mãn. Hoặc hiện tịch tĩnh nhập đại Niết-bàn.

Đó gọi là Hóa thân Phật.

Tất cả vô lượng, vô biên phương tiện khéo léo như vậy đều là do thần lực tự tại của Như Lai. Như vậy, tức là thể ba thân không có tướng sai khác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị rằng:

–Này thiện nam! Ý ông thế nào? Nếu thiện nam, thiện nữ nào quy y Phật, thì phải

quy y Pháp thân thanh tịnh của Như lai. Nếu muốn cầu Pháp thân Phật nên phát đại thệ rằng: “Nguyện con và tất cả hữu tình kia phải đắc công đức Pháp thân như vậy.”

Vì sao phải phát thệ nguyện ấy? Vì Ứng thân Phật biến thiên chỉ trong sát-na. Hóa thân Phật thì mau chứng nhập Niết-bàn. Còn công đức Pháp thân thì y nhiên thường trụ, do đó mà quy y Pháp thân thanh tịnh. Quy y Pháp thân tức là quy y chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu ta lìa bỏ chúng sinh mà thủ Niết-bàn tức là cùng chịu các khổ trong địa ngục. Nếu cùng hữu tình giải thoát thì tuy ở địa ngục không khác gì ở Niết-bàn. Do duyên cơ ấy mà khiến cho chúng sinh quy y Phật, Pháp, Tăng, chứng Niết-bàn an lạc, thể tánh rốt ráo như như, không tăng giảm. Pháp thân như vậy là chân an lạc, cho nên dắt dẫn cho họ quy y Pháp thân Phật.

Lại nữa, này Từ Thị! Sao gọi là Pháp bảo thanh tịnh?

Pháp bảo cũng có ba hạng:

Pháp bảo nghĩa là Niết-bàn cam lộ giải thoát, lấy thường, lạc, ngã, tịnh làm thể tánh, tận trừ tất cả sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não.

Sao gọi sinh là khổ? Nghĩa là khi cha mẹ giao hợp, hạt giống bất tịnh ở trong thai mẹ, do gió nghiệp lực duy trì trải qua chín tháng ở trong chỗ tối tăm không có ánh sáng, sống trong bào thai ô uế bất tịnh, chỗ tám vạn vi trùng xen lẫn, thở ra hít vào theo mẹ, miệng không thể ăn, mắt không thấy được, đói khát, lạnh nóng, khổ não hành hạ thân tâm... Vô lượng các khổ như vậy làm cho chúng sinh không được tự do, nên gọi là sinh khổ. Mặc dầu bị khổ này nhưng có một đức là tất cả oan gia không thể thấy, cũng không thể nói điều đúng sai xấu ác, không thể nào sánh với Niết-bàn an lạc, vì trong pháp này không có pháp khổ như vậy.

Sao gọi là già khổ? Nghĩa là chúng sinh từ nhỏ đến già thay đổi theo thời gian, hề có sự sung mãn ắt có sự suy giảm, gân sức suy tàn, đi đứng run rẩy, tóc bạc, mặt nhăn, tai mắt hôn ám, răng rụng, dung mạo xấu xí, thân tướng ủ rũ, bị người khinh ghét. Có nói ra điều gì thì liền quên mất, mang thân ấy như đang gánh một gánh nặng. Như ngọn đèn sắp hết dầu, không bao lâu nó sẽ tắt, người già cũng vậy, lúc sức lực gần cạn thì không bao lâu sẽ chết. Giống như mặt nạ che phủ cả mặt mày, làm cho các hữu tình, thấy vậy liền sinh tâm trêu đùa mặt nạ; già cũng như vậy, từ xóm này qua xóm nọ, tất cả chúng sinh đội mũ suy già, ai nấy thấy cũng đều trêu chọc. Do nhân duyên này mà bị khổ não. Khi gần chết đến, không có thuốc để chữa trị. Mặc dầu bị khổ đau nhưng không thấy chán, lại cầu đảo thần kỳ mong được sống lâu. Không có gì sánh bằng sự an lạc Niết-bàn, trong pháp Niết-bàn không có pháp lão khổ này.

Thế nào gọi là bệnh khổ? Nghĩa là địa, thủy, hỏa, phong chống trái nhau, bao nhiêu khổ não dồn kéo vào thân. Tất cả chúng sinh bất cứ già trẻ đều có chung bệnh này. Nào quyến thuộc, họ hàng, vàng bạc, trân châu, năm dục thặng diệu làm an vui thỏa thích thân xác, đều phải xa lìa. Nếu có dạy bảo con cháu thân thích chúng đều không nghe theo, tất cả oán thù, giả trá đều đến bên cạnh. Bệnh khổ như vậy chẳng ai mong muốn, cho nên biết rằng bệnh là khổ lớn. Trong pháp Niết-bàn an vui không có gì sánh bằng, thanh tịnh, vắng lặng, không có pháp bệnh khổ này.

Lại nữa, Từ Thị, sao gọi chết là khổ? Nghĩa là khi chúng sinh hết thở, thần thức biến mất thì không còn biết gì nữa. Tất cả khổ không gì hơn khổ của cái chết. Cái khổ của sinh, già, bệnh trong năm đường thì có hay không đều chẳng nhất định gì cả, nhưng cái khổ của sự chết thì đều cùng chung. Ví như khổ về nghèo khó có thể tìm vinh hoa, khổ oán thù có thể thương yêu, còn khi khổ của chết đến thì bất cứ già, trẻ, ngu si, trí

tuệ, sang hèn... tất cả đều phải bỏ lại đằng sau. Xả bỏ thân này rồi vào chỗ tối tăm thì áo quần, ngọc cụ... tất cả tài sản không có gì dùng được, trần trụi mà đi, lại không có bạn bè, của cải, không tránh khỏi sự chia lìa, có kêu la cũng vô ích. Than ôi! Vô thường có thể làm nguy hại như thế này ư! Giàu sang, quê mùa, không lựa thân; thù. Chúng sinh trong ba cõi không ai có thể tránh khỏi được, tất cả đều bị cái chết trừng phạt, làm sao mà có thể cứu vãn được! Giả sử có vua Chuyển luân, sức Na-la-diên cũng đều bị bắt sống. Nên biết sự khổ của cái chết là vô lượng, vô biên. Lấy đó mà quán sát thì chết là nỗi khổ lớn.

Không gì so sánh được trong pháp Niết-bàn giải thoát, tịch tĩnh an vui, không hề có cái khổ ấy. Giống như có người bị chìm trong sóng biển, được cứu vớt lên núi cao thì không còn sợ hãi gì nữa. Chúng sinh cũng vậy, thường bị chìm đắm trong dòng nước dữ sinh tử, được lên núi Niết-bàn, lìa khỏi sợ hãi sinh tử. Cũng như trời mưa tẩy sạch đi những chướng ngại nóng bức, bụi dơ, mọi người an vui, thân tâm mát mẻ, trăm cây cỏ tốt tươi, hái được nhiều hoa quả. Mưa pháp của Như Lai cũng vậy, diệt trừ tất cả phiền não bức bách, làm cho chúng sinh mát mẻ, an vui, giải thoát, làm phát triển tất cả căn lành bạch tịnh, thành tựu đạo quả, chứng Niết-bàn. Do nhân duyên này, chư Phật Thế Tôn xả bỏ thân vô thường mà chứng Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ:

*Bản thể Như Lai là Pháp thân  
Thanh tịnh giải thoát đồng chân đế  
Như mặt trời không lìa ánh sáng  
Công đức Như Lai là Niết-bàn.  
Chân ngã và Phật không sai khác  
Là chỗ hữu tình đều nương tựa  
Sinh tử, Niết-bàn chỉ là một  
Tánh ấy không hoại, không tạo tác  
Dơ sạch, tánh như như, không khác  
Chỉ Phật Thế Tôn mới hiểu rõ.  
Chúng sinh đều có Như Lai tạng,  
Mà hiện Tam bảo nơi thế gian,  
Tất cả hữu tình nhập trí Phật,  
Vì tánh thanh tịnh không sai khác.  
Phật và chúng sinh tánh như nhau,  
Phàm phu thấy khác, Thánh thì không  
Tất cả chúng sinh vốn thanh tịnh,  
Như Lai ba đời đều diễn nói.  
Tánh ấy cấu tịnh vốn là một  
Chúng sinh với Phật nào sai khác  
Hư không trùm khắp không phân biệt  
Tâm tánh bình đẳng cũng như vậy.  
Ví như cảnh giới của chúng sinh  
Khắp cả hư không, bị sinh diệt  
Các căn sinh diệt cũng như vậy  
Ở cảnh giới vô vi cũng thế.  
Ví như lửa, không cháy hư không*

Sinh tử chẳng mất tánh vô vi  
Đất, lửa, gió nương nhau luân chuyển  
Hư không không có chỗ nương tựa  
Ba khoa: uẩn, xứ, giới cũng vậy,  
Luôn ở nghiệp chủng tánh phiền não,  
Nghiệp, phiền não ấy trụ ở đâu?  
Thường ở nguồn vọng tưởng vô minh.  
Tâm vọng tưởng thường ở chỗ nào?  
Luôn ở vô vi tâm thanh tịnh  
Uẩn, xứ, giới chỉ là giải bày  
Tánh của các pháp là vô trụ  
Nghiệp, hoặc nương nhau như đất, nước  
Vọng tưởng động chuyển như gió thổi  
Tâm tánh vốn tịnh như hư không,  
Vọng tưởng là không, không thật có,  
Khổ nghiệp phiền não theo vọng sinh  
Nghiệp, khổ trở lại nhân phiền não  
Hoặc, nghiệp tuần hoàn không cố định  
Không nhân, không duyên, không hội hợp  
Không sinh, không diệt, tánh không tịch  
Bản thể sáng suốt, trí thanh tịnh  
Tự tánh không sinh, không biến đổi  
Nhưng mây phiền não vô minh che  
Như mắt mờ thấy hai mặt trăng  
Chúng sinh nhị chấp cũng như vậy.  
Phiền não giống như ong hút mật  
Mật ấy dụ cho Như Lai tàng  
Mật ấy bị bu quanh đậu  
Người trí giữ thân để lấy mật,  
Sáu độ Vô tướng làm phương tiện  
Để chứng được thân pháp giới ấy.  
Giống như ngũ cốc xay chưa sạch  
Không đưa người khác làm thức ăn  
Cám phiền não Bồ-tát chưa sạch  
Không thể cho người cơm cam lồ.  
Người đi rót của báu chỗ dơ  
Trải qua vạn năm không hư hoại  
Thiên nhãn thấy của báu vẫn còn  
Nhặt lấy lau chùi dùng tùy ý.  
Phật thấy chúng sinh tánh chỉ một  
Vì muốn tẩy trừ dơ phiền não  
Lấy cam lồ Đại thừa làm nước  
Rửa sạch bụi trần, hiện tánh Phật.  
Giống như ngũ cốc mới nảy mầm  
Gạo có hay không chưa chắc chắn

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Phật tánh không lìa cái hữu, vô  
Chỉ Phật tự chứng rõ phương tiện.  
Tự tánh Pháp bảo hằng thanh tịnh  
Chư Phật Thế Tôn nói như vậy.  
Bị khách trần phiền não che lấp,  
Như mây che khuất ánh mặt trời  
Pháp bảo vô cấu, đức đầy đủ  
Thường, lạc, ngã, tịnh đều viên mãn.  
Làm sao cầu pháp tánh thanh tịnh  
Trí vô phân biệt mới chứng biết  
Giống như ao trong không dơ bẩn  
Hoa sen trong đó thơm, không nhiễm,  
Như nhật thực rồi lại chiếu sáng,  
Như mặt trời thoát khỏi mây che,  
Công đức thanh tịnh trang nghiêm khắp  
Tỷ trừ phiền não quang minh hiện.*

Đức Phật dạy:

–Từ Thị nên biết! Pháp bảo thứ nhất là pháp bảo giải thoát của Đại Bát-nhã.

Này Từ Thị! Pháp bảo thứ hai tức là các công đức thắng diệu của giới, định, tuệ. Đó là ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần: bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Nhiếp pháp, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo. Ba mươi bảy pháp này là phương tiện của Pháp bảo thanh tịnh trước. Phương tiện là gì? Nghĩa là nhờ tu pháp này mà chứng Pháp thân thanh tịnh kia...

Này Từ Thị! Pháp bảo thứ ba là gì?

Nghĩa là Chánh pháp mà quá khứ vô lượng chư Phật Thế Tôn đã nói, nay ta cũng nói như vậy. Chánh pháp đó là tám vạn bốn ngàn pháp uẩn vi diệu điều phục và thuần thực cho chúng sinh có duyên, làm cho các đại đệ tử như A-nan-đà... một khi nghe vào tai đều ghi nhớ ngay, thấu giữ làm năm phần:

1. Tố-thư-lãm (Kinh).
2. Tỳ-nại-da (Luật).
3. A-tỳ-đạt-ma (Luận).
4. Bát-nhã ba-la-mật.
5. Môn đà-la-ni.

Năm kho tàng này để giáo hóa hữu tình, tùy theo người đáng độ mà nói cho họ.

Nếu hữu tình nào ưa thích ở núi rừng, chỗ thanh vắng tu thiền định thì nói tạng Tố-thư-lãm cho họ.

Hữu tình nào ưa thích học oai nghi, hộ trì Chánh pháp hòa hợp lại thành một vị để Chánh pháp trụ lâu dài thì vì họ mà nói tạng Tỳ-nại-da.

Hữu tình nào thích nói về Chánh pháp, phân biệt tánh tướng của các pháp, lần lượt nghiên cứu giáo nghĩa thâm áo, rốt cùng thì nói tạng A-tỳ-đạt-ma cho họ.

Hữu tình nào thích học trí tuệ chân thật của Đại thừa, lìa các phân biệt, chấp trước ngã và pháp thì nói tạng Bát-nhã ba-la-mật cho họ.

Hữu tình nào không thể thọ trì kệ Kinh, Luật, Luận, Bát-nhã, hoặc có hữu tình tạo các nghiệp ác bốn trọng, tám trọng, năm tội vô gián, phỉ báng kinh Phương đẳng, bợn Nhất-xiển-đề... tạo các trọng tội, muốn họ được tiêu trừ những tội đó và mau giải



thoát, giác ngộ Niết-bàn thì nên nói tạng Đà-la-ni cho họ.

Năm tạng pháp này giống như sữa, bơ, bơ sống, bơ chín và đề hồ. Khế kinh như sữa; Luật như bơ, Luận như bơ sống; Bát-nhã Đại thừa như bơ chín; môn Tổng trì như đề hồ. Trong sữa, bơ, dầu thì mùi vị đề hồ là vi diệu số một; vì có thể tiêu trừ các bệnh, khiến cho thân tâm chúng sinh được an lạc. Trong các Khế kinh, môn Tổng trì là đệ nhất, có thể trừ các tội nặng để chúng sinh giải thoát sinh tử, mau chứng Pháp thân Niết-bàn an lạc.

–Này Từ Thị! Sau khi ta diệt độ, hãy bảo A-nan-đà thọ trì, tuyên nói tạng Tố-thư-lãm. Ưu-ba-ly thọ trì, tuyên nói tạng Tỳ-nại-da. Ca-đa-diễn-na thọ trì, tuyên thuyết tạng A-tỳ-đạt-ma. Bồ-tát Mạn-thù-thất-lị thọ trì tuyên thuyết Đại thừa Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát Kim Cang Thủ thọ trì tuyên thuyết các môn Tổng trì sâu xa vi diệu.

Các giáo môn này có thể diệt trừ phiền não đêm ngày tăm tối của chúng hữu tình để mau thoát khỏi, mau chứng quả giải thoát. Giống như đèn sáng có thể phá trừ tối tăm để được kiến đạo. Phật cũng như vậy, đước trí tuệ có thể chiếu sáng mười điều bất thiện của hữu tình, khiến cho thấy được thiện đạo. Khi nghe pháp này rồi, hữu tình nào xan tham của báu, liền bố thí cho những người nghèo khổ. Những chúng sinh nghiệp ác, nghe pháp này rồi, liền bỏ ác tu thiện. Người sân giận thì nhẫn nhục, người giải đãi thì tinh tấn, người tâm tán loạn thì yên tịnh. Người ngu si thì phát trí tuệ, rồi thì hồi tâm tu các nghiệp thiện. Lại có hữu tình nghe pháp này rồi đóng bít cửa ngõ ác, khai mở đường Niết-bàn, giống như cam lồ, chứng quả giải thoát. Đây là Pháp bảo thứ ba.

Với ba Pháp bảo này, tất cả chúng sinh cần phải quy y Pháp bảo vô vi. Sự tối tôn tối thượng trong tất cả các pháp, không gì hơn là vô vi. Vì sao vậy? Vì nó có thể làm chiếc thuyền cứu vớt chúng sinh trong biển khổ sinh tử, nó có thể làm thuốc mầu cam lồ cho chúng sinh, lại là quả sở chứng mà chư Phật Bồ-tát trải qua ba vô số kiếp đã hành lục độ vạn hạnh. Công đức viên mãn của diệu pháp như vậy nên phải quy y Pháp bảo vô vi. Nếu có chúng sinh nào thọ trì kinh nên phát nguyện như vậy: “Con nguyện quy y pháp bảo như vậy. Quy y Pháp rồi, con nguyện cho tất cả chúng sinh trong năm đường cùng phát nguyện như con ngày nay, để chúng sinh an trụ trong pháp công đức này, đưa đến chỗ quý báu chân thật của Niết-bàn. Từ Thị nên biết! Đó gọi là Pháp bảo thứ ba.

Này Từ Thị! Tăng bảo chân thật là gì? Tăng bảo cũng có ba:

Đệ nhất nghĩa Tăng: nghĩa là chư Phật, Thánh tăng sống đúng như pháp, không thể thấy, không thể nắm bắt, không thể phá hoại, không thể thiêu đốt, không thể nghĩ bàn, là ruộng phước tốt lành của tất cả chúng sinh. Tuy là ruộng phước nhưng không có gì nhận, không có gì lấy, vì các pháp công đức thường hằng không biến đổi. Đó là nghĩa Tăng thứ nhất.

Thánh Tăng: nghĩa là Tu-đà-hoàn hưởng Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm hưởng Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hưởng A-na-hàm quả, A-la-hán hưởng A-la-hán quả, Bích-chi-phật hưởng Bích-chi-phật quả, Bát Đại nhân giác, ba Hiền, mười Thánh. Đó là Tăng bảo thứ hai.

Phước điền Tăng: nghĩa là Bí-sô, Bí-sô-ni thọ trì giới cấm, đa văn trí tuệ, giống như cây Thiên ý che mát cho chúng sinh. Như đi trong bãi sa mạc hoang vắng, đang lúc khát tìm nước bỗng gặp trời mưa cam lồ rót xuống kịp thời, làm cho đầy đủ, giống như tất cả châu báu đều phát sinh từ trong biển lớn. Ruộng phước Tăng bảo cũng vậy, có thể đem sự an ổn, vui sướng đến cho hữu tình. Tăng bảo này thanh tịnh không nhiễm, có thể diệt trừ những tham, sân, si cho chúng sinh. Như đêm rằm trăng sáng vằng vặc, tất cả

hữu tình đều được chiêm ngưỡng. Giống như ngọc ma-ni làm mãn nguyện những điều lành cho tất cả hữu tình. Đó gọi là Tăng bảo thứ ba.

Đó là ba Tăng bảo.

Tất cả hữu tình làm sao quy y ba nghĩa Tăng bảo như thế, nên nói cho họ như vậy để họ quy y Tăng bảo vô vi đệ nhất nghĩa đế. Vì sao vậy? Vì vô vi là thường trụ Tăng, mà Tăng bảo này là vô lậu vô vi, là pháp tự chứng, không biến đổi không sai khác. Quy y Tăng bảo vô lậu như vậy có thể diệt trừ tất cả khổ nạn cho hữu tình. Lại nguyện cho hữu tình sẽ đạt được công đức vô lậu như vậy. Khi được pháp này rồi, hãy diễn nói pháp ba thừa để độ thoát hữu tình.

Ta được quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, không còn sợ hãi khổ trong ba đường ác, cũng không muốn sinh lên cõi trời, người chỉ thể nguyện cứu hữu tình ra khỏi khổ sinh tử. Đó gọi là quy y Tăng bảo.

Lại nữa, này Từ Thị! Nếu có chúng sinh nào quy y Tam bảo hãy phát tâm như vậy: “Ta nay đã làm thân này, sinh vào cõi người là được xa lìa tám nạn, điều khó được có thể được, đem phương tiện tốt lành này học tập tất cả pháp nhiệm mầu thù thắng. Nếu ta trái với lời nguyện trên mà không cầu pháp lành là tự dối gạt mình.

Cũng như có người chèo thuyền vào biển, đến chỗ châu báu mà lại về tay không. Như vậy, quy y Phật, Pháp, Tăng bảo là phương tiện để thoát khổ. Nếu không quy y, sau này có hối hận cũng không kịp. Đã biết như vậy rồi, nên siêng năng tinh tấn tu tập để lời nguyện mau thành tựu. Khi pháp lành đã thành tựu thì cần phải sám hối tội lỗi trong quá khứ được tiêu trừ. Lại nói như vậy: “Ta từ vô thủy sinh tử đến nay, thân, khẩu, ý nghiệp đã tạo ra vô lượng, vô biên tội lỗi đều do tâm hư vọng điên đảo mà ra. Đối với các bậc tôn túc như: cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng, Phật, Pháp, Tăng bảo, mà đã tạo ra các tội, nay đều xin sám hối.”

Lại có hai việc tạo ra các tội rất nặng như núi Diệu cao: Một là thương yêu; hai là oán thù.

Ở trong sinh tử nguy cấp mà hai loại hữu tình oán, thân kia không thể làm lợi ích được cho chính mình thì nên quán sát khắp cả như vậy: Người kia và ta phải bị tiêu diệt, thì vì sao ta tạo tội này để làm gì? Tất cả hữu tình trong mười phương thế giới tạo ra các nghiệp thiện cùng với bậc Hữu học, Vô học, Độc giác, Thanh văn, đệ tử Phật, tất cả Hiền thánh ta đều tùy hỷ. Lại nữa, từ vô thủy đã bị luân hồi sinh tử, làm thân trong năm đường, vô lượng oán, thân, ta chưa từng làm được một việc lợi ích nhỏ đầu như sợi lông thì hiện tại, vị lai cũng không thể có được. Từ vô thủy, ta là oán, thân của người kia mà tạo ra các tội, ta nguyện tự mình nhận lấy, thể không quấy nhiễu tất cả chúng sinh khác. Nếu khi ta gặp hoạn nạn, tìm người thương yêu để đem lòng từ chăm sóc, giúp đỡ ta, xoa bóp, tắm rửa, cung cấp thức ăn uống; đau ốm thì có thuốc thang và nhiều thứ vật dụng khác. Mặc dầu như vậy nhưng cái khổ trong thân ta không ai có thể thay thế được, huống gì trong đời vị lai mà cứu ta ra khỏi được khổ lớn của sinh tử. Trong hiện tại, thân này của ta không nơi nương tựa, huống gì đời vị lai. Thân ta đã như vậy thì hữu tình cũng thế, ta và họ đều không có chỗ cậy nhờ, cho nên quy y chân thật Tam bảo. Vì sao vậy? Vì Tam bảo là thường trụ, giống như trong đường hiểm nạn thì người trí phải tìm người có sức lực để cứu hộ. Chúng sinh cũng vậy, sinh tử hiểm nạn nên quy y Tam bảo để làm người hướng dẫn mới có thể vượt qua biển lớn sinh tử. Nếu ta được như vậy cũng là chủ của mình rồi, vì cứu giúp tất cả chúng sinh khổ nạn, nên phát tâm đại thế nguyện như vậy.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Khi được lòng tin mạnh mẽ rồi, thì ở trước Phật tịch áo bày vai phải, quỳ gối chấp tay xin quy y Phật, Pháp, Tăng bảo. Giống như người nghèo khổ trong thế gian bị mọi người khinh khi, đánh đập, sai khiến, quở mắng, mạ nhục. Bị khinh khi rồi, người kia tìm đến người tôn quý, có thể lực để làm chủ của mình thì sẽ tránh khỏi những khinh khi, mạ nhục ấy.

Hữu tình cũng vậy, ai sinh trong đường ác hoặc cõi người, luôn bị các khổ hành hạ thân, vì muốn tránh khỏi sự đau khổ mà quy y Tam bảo thì các khổ ấy đều được tiêu trừ. Đã quy y Tam bảo rồi, lại phát nguyện rằng: “Con nguyện cứu hộ tất cả chúng sinh vượt qua biển sinh tử, để đến bờ bên kia Niết-bàn.”

Giống như chủ buôn hương dẫn các con buôn vượt qua sa mạc hoang vắng hay đường hiểm nạn để đến chỗ bình an. Đạo sư Tam bảo cũng vậy, hướng dẫn hữu tình vượt qua đồng hoang sinh tử để đến Niết-bàn, không còn lo sợ.

Từ Thị nên biết! Người phát tâm tu hạnh Đại thừa nên quy y Tam bảo như vậy.

